TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:34/2026/HNGĐ - ST
Ngày 31/3/2026
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Sầm Thị Minh Khuyên.
2. Vũ Lương Trung Đức.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Thị Mai Na - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11/12/2025 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026; thông báo mở lại phiên tòa số 82/TB-TA ngày 19/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị T**, sinh năm 1998.

Số định danh cá nhân: 015xxx5.

Địa chỉ: Thôn D, xã C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Hoàng Trọng Ng**, sinh năm 1993.

Số định danh cá nhân: 015xx.

Địa chỉ: Thôn D, xã C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Hà Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Trọng Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ). Sau khi đăng ký kết hôn vợ

chồng chung sống tại Thôn D, xã C, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Ng đi làm ăn xa nhưng không mang kinh tế về phụ giúp nuôi con. Từ năm 2021 đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Trọng Ng. Về con chung: Chị T và anh Ng có 01 con chung là Hoàng Phương Th, sinh ngày 26/5/2015, ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con.

Toà án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Hoàng Trọng Ng không đến Toà án để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh với trưởng Thôn D, xã C, tỉnh Lào Cai thể hiện: Chị Hà Thị T và anh Hoàng Trọng Ng có đăng ký kết hôn với nhau năm 2016 tại UBND xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng chị T, anh Ng chung sống tại Thôn D, xã C. Mâu thuẫn cụ thể không nắm được nhưng từ năm 2021 chị T và anh Ng đã sống ly thân. Về con chung chị T và anh Ng có 01 con chung là cháu Hoàng Phương Th, sinh năm 2015, từ khi anh chị ly thân thì cháu Thảo do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại địa phương chị T có công việc làm ruộng, ngoài ra còn đi làm thuê có thu nhập trung bình khoảng 200.000 đồng/ngày.

Tại biên bản xác minh với ông Hoàng Văn N1 là bố đẻ của anh Hoàng Trọng Ng thể hiện: Quá trình kết hôn, chung sống giữa chị T và anh Ng đúng như chị T trình bày. Chị T anh Ng mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, cãi nhau thường xuyên nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2021, anh Ng đã bỏ về nhà ở cùng ông Năm ở thôn Lạn, xã C. Từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị T và anh Ng có 01 con chung là cháu Hoàng Phương Th, sinh năm 2015, từ khi ly thân thì cháu Thảo do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại đơn nguyện vọng của cháu Hoàng Phương Th, sinh ngày 26/5/2015, cháu Thảo có nguyện vọng ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T: Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Hoàng Trọng Ng; Về con chung: Giao cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Phương Th, anh Hoàng Trọng Ng không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản

nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí nguyên đơn chịu án phí, đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Hoàng Trọng Ng là bị đơn có nơi ở và đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn D, xã C, tỉnh Lào Cai, vụ án do Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, triệu tập hợp lệ anh Ng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Hà Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Hà Thị T và anh Hoàng Trọng Ng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Hoàng Trọng Ng tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ). Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị T và anh Hoàng Trọng Ng được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh Ng sinh sống tại Thôn D, xã C, tỉnh Lào Cai. Theo lời trình bày của chị T và kết quả xác minh với tại địa phương, từ năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Ng đi làm ăn xa nhưng không quan tâm, chăm lo kinh tế và gia đình; vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ năm 2021 đến nay hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh Ng cũng không tham gia tố tụng để thể hiện thiện chí đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Ng đã kéo dài nhiều năm, đời sống chung không còn tồn tại trên thực tế, quan hệ hôn nhân của chị T và anh Ng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị T là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Hà Thị T và anh Hoàng Trọng Ng có 01 con chung là cháu Hoàng Phương Th, sinh ngày 26/5/2015. Sau khi chị T, anh Ng ly thân từ năm 2021 đến nay, cháu Thảo do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định; cháu Thảo có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh Ng không tham gia tố tụng và không có ý kiến về việc nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Hoàng Phương Th

cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế chăm sóc, bảo đảm sự ổn định về môi trường sống, tâm lý và điều kiện phát triển của cháu; đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ các Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Hoàng Phương Th cho chị Hà Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Do nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn không có ý kiến nên HĐXX không đặt ra xem xét; quyền, nghĩa vụ thăm nom con của anh Ng được bảo đảm theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Hoàng Trọng Ng .

2. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Phương Th, sinh ngày 26/5/2015. Anh Hoàng Trọng Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0002249 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai, chị Hà Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 4 - Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND xã C
(UB xã C cũ Số 07/2016);
- Lưu HS.

Lưu Hoa Quỳnh